

NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, HẠN CHẾ VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT KHẮC PHỤC TRONG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA, TRUY TỐ CÁC TỘI DANH VỀ MUA BÁN NGƯỜI VÀ MỘT SỐ TỘI DANH CÓ LIÊN QUAN: CƯỠNG BỨC LAO ĐỘNG, TỔ CHỨC MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

MAI ĐẮC BIÊN*

Kiểm sát viên Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong các vụ án mua bán người và một số tội danh có liên quan nhằm bảo đảm việc truy tố, buộc tội đúng quy định của pháp luật. Bài viết trình bày những khó khăn vướng mắc của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong các vụ án mua bán người và một số tội danh có liên quan; đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng công tác này, góp phần hoàn thành xuất sắc chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát nhân dân.

Từ khóa: Mua bán người; tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại; cưỡng bức lao động.

Ngày nhận bài: 06/7/2021, Biên tập xong: 06/7/2021, Duyệt đăng: 06/7/2021

Prosecutors exercise their rights in the judicial activities of human trafficking cases to ensure the prosecution and accusation of crimes in accordance with law. This article presents the difficulties and challenges faced by Prosecutors when exercising their rights in human trafficking cases and also proposes recommendations to improve the quality of this work, to fulfil the functions and tasks of the People's Procuracy.

Keywords: Human trafficking, organization of surrogacy for commercial purposes, forced labor.

1. Những khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong thực hành quyền công tố giai đoạn điều tra, truy tố các tội danh về mua bán người và một số tội danh có liên quan: Cưỡng bức lao động, Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại

1.1. Những khó khăn, vướng mắc và hạn chế

Theo quy định của Bộ luật hình sự (BLHS) Việt Nam năm 2015, các tội phạm về mua bán người gồm: Tội mua bán người (Điều 150); Tội mua bán người dưới 16 tuổi¹ (Điều 151); Tội đánh tráo người dưới 16 tuổi (Điều 152); Tội chiếm

đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153); Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154). Một số tội danh có liên quan là Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại (Điều 187); Tội cưỡng bức lao động (Điều 297). Khách thể của tội phạm trong nhóm tội này là quyền được bảo hộ về tự do, an toàn thân thể, danh dự, nhân phẩm của con người². Hành vi khách quan của tội phạm bao gồm nhiều loại hành vi xâm hại tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của

^{*} Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

² Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thị Như Huyền, *Bàn về tội mua bán người trong Bộ luật hình sự năm 2015*, Tạp chí Kiểm sát số 06 (tháng 3/2019), tr. 41-47.

¹ Theo quy định tại Điều 1 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em là người dưới 16 tuổi.

con người như: Dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác để mua, bán người, chiếm đoạt người hoặc mua, bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người; cưỡng bức lao động, tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại. Mặt chủ quan của tội phạm là người phạm tội với lỗi cố ý: Người phạm tội nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả và mong muốn cho hậu quả xảy ra. Chủ thể của tội phạm là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (người từ đủ 14 tuổi trở lên), có năng lực trách nhiệm hình sự. Đối với tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154 BLHS năm 2015) thì chủ thể phải là người từ đủ 16 tuổi trở lên.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự thuộc về Cơ quan điều tra³, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra⁴ (sau đây gọi chung là Cơ quan điều tra). Cơ quan điều tra có nhiệm vụ, quyền hạn cũng như trách nhiệm phát hiện kịp thời mọi tội phạm, hành vi phạm tội, khởi tố vụ án, thực hiện mọi biện pháp điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội. Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, thực

hiện việc truy tố, buộc tội và kiểm sát hoạt động tư pháp của Cơ quan điều tra, Tòa án trong các vụ án hình sự nhằm bảo đảm cho việc điều tra, truy tố và xét xử được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra tình trạng oan sai và bỏ lọt tội phạm.

Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án về mua bán người trong điều tra, truy tố, Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát theo quy định tại các điều 42, 159, 160, 161, 165, 166 BLTTHS năm 2015; Quy chế Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố (*Ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-VKSTC ngày 17/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, sau đây gọi tắt là Quy chế Kiểm sát điều tra*); Chỉ thị số 09/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về “Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa”; Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 10/7/2015 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về “Tăng cường các biện pháp phòng chống oan, sai và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự”; Chỉ thị về “Tăng cường trách nhiệm công tố trong giải quyết các vụ án hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm” (*Ban hành kèm theo Quyết định số 05/CT-VKSTC ngày 27/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao*) và một số văn bản khác.

Khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án về mua bán người trong điều tra, truy tố, Kiểm sát viên kiểm sát việc điều tra của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, cán

³ Theo Điều 134 BLTTHS năm 2015 và Điều 4 Luật tổ chức Cơ quan điều tra năm 2015, Cơ quan điều tra gồm: 1. Cơ quan Điều tra của Công an nhân dân, 2. Cơ quan Điều tra trong Quân đội nhân dân, 3. Cơ quan Điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

⁴ Theo Điều 145 BLTTHS năm 2015, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm: a) Các cơ quan của Bộ đội biên phòng; b) Các cơ quan của Hải quân; c) Các cơ quan của Kiểm lâm; d) Các cơ quan của lực lượng Cảnh sát biển; đ) Các cơ quan của Kiểm ngư; e) Các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; g) Các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

bộ điều tra; nghiên cứu hồ sơ vụ án để kiểm tra, xác định tính có căn cứ, tính hợp pháp của các lệnh, quyết định, hoạt động của Cơ quan điều tra; đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh, yêu cầu điều tra; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án, kiểm sát, Kiểm sát viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn hoặc thay đổi, hủy bỏ các lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra; xử lý mọi vi phạm pháp luật trong điều tra, truy tố các vụ án về mua bán người. Trong giai đoạn truy tố, Kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ, đánh giá kết quả điều tra, trên cơ sở đó báo cáo, đề xuất lãnh đạo Viện quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án, bị can; trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung và một số quyết định khác để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Mục đích của thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án về mua bán người trong điều tra, truy tố nhằm nhanh chóng phát hiện, xử lý kịp thời mọi tội phạm, người phạm tội, bảo đảm việc khởi tố, điều tra, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Trong những năm gần đây, mặc dù đã được kiểm soát nhưng tình hình tội phạm mua bán người vẫn còn diễn biến phức tạp, gia tăng về mức độ với những phương thức, thủ đoạn hết sức tinh vi, xảo quyệt, có sự cấu kết chặt chẽ giữa các đối tượng ở trong nước với đối tượng ở nước ngoài. Ngoài ra, các đối tượng thực hiện tội phạm này còn hình thành các đường dây mua bán người từ Việt Nam sang các nước trong khu vực như Hồng Kông, Singapore, Malaysia, Đài

Loan... với mục đích chính là bán vào các ổ mại dâm và cưỡng bức lao động. Từ 01/12/2016 đến 30/5/2020, toàn quốc đã phát hiện, khởi tố, điều tra tổng số 432 vụ/724 bị can về Tội mua bán người. Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã quyết định truy tố tổng số 369 vụ/643 bị can về Tội mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi; đã thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm 387 vụ/648 bị cáo về Tội mua bán người (trong đó có các vụ án tồn từ năm 2015)⁵.

Trong những năm qua, Kiểm sát viên đã thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về mua bán người, góp phần tích cực vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, thực tiễn công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc điều tra, truy tố các vụ án về mua bán người và một số tội có liên quan như Tội cưỡng bức lao động, Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại cho thấy còn có những khó khăn, vướng mắc sau đây:

Thứ nhất, khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong việc phát hiện, khởi tố, điều tra đối với các tội về mua bán người, cưỡng bức lao động, tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại

Các vụ án về mua bán người, cưỡng bức lao động, tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại chủ yếu thuộc loại tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng nên người phạm tội

⁵ Lê Minh Long, *Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát các vụ án mua bán người*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát số Chuyên đề 02/2020; tr.96-100.

trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội đều có những thủ đoạn rất tinh vi, nguy hiểm để che giấu tội phạm, xóa dấu vết. Có thể kể đến như hành vi dụ dỗ, mua chuộc, cưỡng ép bị hại, cha mẹ bị hại; lựa chọn địa điểm là những nơi vắng người, thời gian phạm tội là thời điểm vắng người qua lại, trong đêm tối, mưa bão, vùng biên giới để chuyển giao người bị hại; trong bệnh viện, trạm y tế để đánh tráo người dưới 01 tuổi, chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; lừa dối đưa ra mức lương cao để đưa người lao động đến nơi xa xôi, vắng vẻ, ra nước ngoài để cưỡng bức lao động; tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại...

Việc phát hiện tội phạm gặp khó khăn vì khi chuẩn bị phạm tội, người phạm tội có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đầy đủ các công cụ, phương tiện phạm tội như hóa trang, đeo khẩu trang, kính đen che mặt, giả tiếng nói địa phương để tránh phát hiện trong khi chuyển giao bị hại, nhất là đưa qua biên giới, đưa vào các cơ sở mua bán dâm, các nơi lao động cưỡng bức. Khi thực hiện các tội phạm như Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người, Tội cưỡng bức lao động, người phạm tội thường dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để đánh đập bị hại; dùng thủ đoạn khác như đánh thuốc mê, chuốc rượu, chất kích thích mạnh khác khiến bị hại không còn tỉnh táo, có khả năng kháng cự và suy sụp về tinh thần hoặc lợi dụng việc chữa bệnh, phẫu thuật để lén lút chiếm đoạt bộ phận cơ thể người. Trong một số trường hợp, người phạm tội còn thực hiện hành vi phạm tội khác trước hành vi chuyển giao bị hại cho người mua, người tiếp nhận như dùng hung khí đánh mạnh vào đầu cho nạn nhân bất tỉnh (có trường

hợp dẫn đến tử vong) sau đó thực hiện việc chuyển giao.

Đối với Tội mua bán người, Tội mua bán người dưới 16 tuổi, Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, Tội cưỡng bức lao động, người phạm tội thường phạm tội dưới dạng đồng phạm có tổ chức, có sự cấu kết chặt chẽ với nhau trong hành động phạm tội, che giấu tội phạm giữa người môi giới, người bán, người mua, người sử dụng lao động với người cung cấp lao động, người thuê và người được thuê để thuê, với cả những tổ chức phạm tội nước ngoài. Hành vi phạm tội được che giấu, ngụy trang, hợp thức hóa dưới dạng hợp đồng cho, nhận con nuôi, làm giấy tờ giả, hợp đồng đi lao động nước ngoài... Sau khi thực hiện hành vi phạm tội như mua bán người dưới 16 tuổi, chiếm đoạt người dưới 16 tuổi và các tội phạm khác, người phạm tội còn có những hành vi không chế để ngăn chặn bị hại hoặc người nhà bị hại tố cáo như dụ dỗ, đe dọa, cho tiền hoặc hứa hẹn đem lại một lợi ích nào đó. Một số trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng như phạm tội mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi, chiếm đoạt người dưới 16 tuổi, tội chiếm đoạt mô, người phạm tội còn có những hành vi như bỏ trốn ra nước ngoài để che giấu tội phạm, trốn tránh sự trừng phạt. Với những đặc điểm trên, việc phát hiện tội phạm đối với nhóm tội này gặp nhiều khó khăn hơn các tội phạm thông thường khác.

Một đặc điểm gây khó khăn trong việc thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm đối với loại tội phạm này là việc bị hại là người dưới 16 tuổi, có trường hợp chỉ là trẻ sơ sinh nên việc lấy lời khai của bị hại

nhiều khi là không thể hoặc độ tin cậy không cao do bị hại còn ít tuổi nên hoảng sợ, không nhớ. Bị hại ít tuổi nên việc ghi nhớ những đặc điểm của người phạm tội để phục vụ việc tố cáo sau này rất kém, do vậy, khi lấy lời khai của họ cũng rất khó để xác định những đặc điểm của người phạm tội để truy xét, bắt giữ. Một số trường hợp đặc biệt, sau khi bị xâm hại, mua bán, nạn nhân đã rất sợ hãi, suy sụp tinh thần hoặc tự sát, bỏ trốn nên không lấy được lời khai hoặc nội dung lời khai rất lộn xộn, khó xác định sự thật. Đối với Tội cưỡng bức lao động, nhiều trường hợp tội phạm chỉ bị phát hiện sau khi bị cưỡng bức ra nước ngoài lao động đã bỏ trốn về nước tố cáo, hành vi phạm tội đã trải qua một thời gian, người phạm tội đã bỏ trốn nên việc bắt giữ, xử lý rất khó khăn. Đối với Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, thông thường chỉ bị phát hiện khi người được thuê mang thai hộ tố cáo do những mâu thuẫn giữa người thuê và người được thuê mang thai nên tỷ lệ phát hiện, xử lý còn thấp. Trong quá trình xử lý vụ án, hai bên lại tự thỏa thuận được với nhau nên bị hại bãi nại, rút đề nghị khởi tố, không yêu cầu xử lý. Từ những lý do trên nên người phạm tội có thể lợi dụng để chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội.

Thứ hai, khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong việc xác định tuổi của người bị hại, tuổi của người phạm tội

Một đặc điểm riêng biệt của các tội về mua bán người là trong một số tội, người bị hại phải là người dưới 16 tuổi như Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151), Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152), Tội chiếm đoạt người dưới 16 (Điều 153). Đối với Tội cưỡng bức lao động, người bị

hại là người dưới 16 tuổi là tình tiết định khung tăng nặng. Do vậy, khi giải quyết vụ án hình sự về loại tội này, các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định chính xác tuổi của người bị hại để quyết định việc định tội, định khung, có ý nghĩa trong đường lối giải quyết vụ án sau này.

Trong một số trường hợp, việc xác định tuổi của bị hại có những khó khăn nhất định do không có giấy tờ để xác định tuổi (giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu...). Nguyên nhân có thể là do cha mẹ chưa kịp làm giấy khai sinh, không làm giấy khai sinh, chứng minh nhân dân hoặc bị thất lạc, mất mát hoặc người phạm tội cố tình che giấu. Cũng có trường hợp do bị hại còn nhỏ tuổi nên không nhớ hoặc không biết được những thông tin về nhân thân của mình. Trong những trường hợp trên, cơ quan tiến hành tố tụng gặp rất nhiều khó khăn để xác định tội danh, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, áp dụng điều khoản truy tố. Điều tra viên, Kiểm sát viên cần áp dụng các biện pháp điều tra để xác định tuổi như lấy lời khai của người phạm tội, người bị hại, người thân, thu thập giấy chứng sinh, học bạ, trích lục tàng thư lưu trữ cũng như các giấy tờ tài liệu khác. Trường hợp những biện pháp trên không có kết quả thì phải tiến hành giám định pháp y để xác định tuổi. Tuy nhiên, trong kết luận giám định tuổi, cơ quan giám định chỉ có thể xác định độ tuổi chênh lệch trong thời hạn khoảng 06 tháng chứ không thể đưa ra chính xác độ tuổi (Ví dụ: Người được giám định có độ tuổi từ 15 tuổi 9 tháng đến 16 tuổi 3 tháng). Theo quy định của pháp luật Việt Nam thì trong trường hợp trên, đối

với người phạm tội thì phải lấy độ tuổi thấp nhất, còn đối với người bị hại thì phải lấy độ tuổi cao nhất để áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, do đó có thể xảy ra việc xử lý không đúng tội. Hơn nữa, việc đưa người bị hại đi giám định đôi khi gặp phải sự phản đối, không hợp tác của họ.

Thứ ba, khó khăn, vướng mắc và hạn chế đối với Kiểm sát viên trong việc đề xuất phê chuẩn, không phê chuẩn, thay đổi, hủy bỏ các quyết định của Cơ quan điều tra

Sau khi ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các quyết định khác, Cơ quan điều tra chuyển quyết định cùng toàn bộ hồ sơ đến Viện kiểm sát để thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các quyết định khác. Trong thời hạn 03 ngày theo quy định của BLTTHS năm 2015, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát phải tiến hành nghiên cứu hồ sơ, kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp của các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các hoạt động tố tụng của Điều tra viên trong việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can để báo cáo Lãnh đạo Viện phê chuẩn hoặc hủy bỏ, thay đổi quyết định khởi tố bị can. Đối với các quyết định khác như lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh gia hạn tạm giữ, tạm giam, lệnh khám xét..., Kiểm sát viên phải kịp thời, nhanh chóng nghiên cứu, đánh giá tính có căn cứ hoặc tính hợp pháp của các quyết định để báo cáo Lãnh đạo Viện quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn, thay đổi, hủy bỏ. Trong thời gian qua, việc phê chuẩn, không phê chuẩn, thay đổi, hủy bỏ các quyết định của Cơ quan điều tra vẫn còn xảy ra một số trường hợp chưa chính xác, chưa kịp thời, còn để xảy ra tình trạng

khởi tố vụ án, khởi tố bị can sau đó phải đình chỉ, khởi tố sai tội danh, bỏ lọt tội phạm.

Thứ tư, khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong việc đề ra yêu cầu điều tra

Một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên là đề ra yêu cầu điều tra để yêu cầu Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra thực hiện việc điều tra một cách đúng đắn, đầy đủ nhằm làm rõ tội phạm, người phạm tội, các tình tiết khác có liên quan đến giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, không để xảy ra tình trạng khởi tố, điều tra, truy tố oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Yêu cầu điều tra có thể được thực hiện nhiều lần bằng văn bản hoặc bằng lời nói, trong đó Kiểm sát viên yêu cầu những nội dung cụ thể để Điều tra viên thực hiện, tập trung vào việc phát hiện, thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, người phạm tội. Điều tra viên có trách nhiệm thực hiện nhanh chóng, đầy đủ yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên trong toàn bộ quá trình điều tra, truy tố.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc đề ra yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên còn nhiều hạn chế như hồ sơ không có bản yêu cầu điều tra hoặc có nhưng nội dung còn chung chung, sơ sài, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu của việc điều tra, chậm đề ra yêu cầu điều tra... Do vậy, Điều tra viên không thực hiện đầy đủ các yêu cầu thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, người phạm tội, vi phạm trình tự thủ tục tố tụng, vi phạm thời hạn điều tra, xâm phạm đến quyền con người của người bị buộc tội, việc điều tra không đúng đắn, vi phạm những quy định khác của pháp luật. Đây cũng chính là một trong các lý do dẫn đến oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm,

làm hồ sơ vụ án phải điều tra kéo dài hoặc phải trả để điều tra bổ sung nhiều lần.

Thứ năm, khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong giai đoạn truy tố của Kiểm sát viên: Còn tình trạng truy tố không đúng tội danh, truy tố quá thời hạn, Tòa án trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung nhiều lần

Kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố⁶, gửi kết luận, quyết định cùng toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát để Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, quyết định việc truy tố. Kiểm sát viên tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, xác định, kiểm tra tính có căn cứ, tính hợp pháp của quyết định khởi tố, đề nghị truy tố để báo cáo đề xuất Lãnh đạo Viện quyết định. Về cơ bản, việc truy tố của Viện kiểm sát được thực hiện đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp truy tố sai tội danh hoặc vi phạm các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục hoặc chứng cứ chứng minh tội phạm còn chưa bảo đảm dẫn đến việc Tòa án trả hồ sơ, yêu cầu điều tra bổ sung nhiều lần.

1.2. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc và hạn chế

Những khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong thực hành quyền công tố giai đoạn điều tra, truy tố các tội danh về mua bán người, Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, Tội cưỡng bức lao động có nhiều nguyên nhân được xem xét, đánh giá ở nhiều góc độ, cấp độ khác nhau. Trong đó, có những nguyên nhân cơ bản và chủ yếu sau:

⁶ Trường hợp có căn cứ đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra đối với bị can theo quy định của pháp luật thì Cơ quan điều tra ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra.

Thứ nhất, các quy định của pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự còn nhiều bất cập, chậm sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn, giải thích

Nhiều điều luật của BLHS đã quy định nhưng cần phải có hướng dẫn nội dung điều luật, hướng dẫn về các tình tiết định khung tăng nặng để các cơ quan tư pháp áp dụng thống nhất trong việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Quy chế kiểm sát điều tra còn nhiều nội dung cụ thể chưa được quy định cũng gây khó khăn cho hoạt động nghiệp vụ của Kiểm sát viên.

Thứ hai, nhận thức và áp dụng các quy định của pháp luật cũng như trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm, bản lĩnh nghề nghiệp của một số Điều tra viên, Kiểm sát viên còn hạn chế

Một số Điều tra viên, Kiểm sát viên còn hạn chế trong trình độ pháp lý, chưa hiểu đúng và đủ những quy định của pháp luật, nhất là pháp luật hình sự nên còn lúng túng, khó khăn ngay trong việc định tội, định khung khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế. Một số Điều tra viên, Kiểm sát viên có kiến thức thực tế nhưng kiến thức về lý luận chưa thực sự logic, nhận thức không đầy đủ về pháp luật do chỉ quan tâm tới những kinh nghiệm thực tiễn, còn xa rời lý luận dẫn tới khi gặp các loại án mới, án khó thì giải quyết không đúng đắn.

Kiểm sát viên chưa thực sự đề cao trách nhiệm, nghiên cứu chưa sâu, thực hiện không đầy đủ quy trình nghiệp vụ, còn lo ngại phải chịu trách nhiệm theo Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17/3/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố

tụng hình sự gây ra, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nếu để xảy ra oan sai. Hoặc do áp lực từ dư luận, cơ quan ngôn luận, của những người có quyền lực hoặc thân quen nên một số Kiểm sát viên đã bộc lộ tư tưởng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, thiếu kiên quyết trong đấu tranh với tội phạm nói chung và tội phạm về mua bán người nói riêng. Những hạn chế trên dẫn đến tình trạng không kịp thời phát hiện tội phạm, không thu thập, lưu giữ đúng và đầy đủ chứng cứ, vi phạm trình tự thủ tục tố tụng, làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài, có trường hợp oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Thứ ba, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc điều tra, truy tố còn hạn chế

Mặc dù trong những năm qua, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã được Nhà nước quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn hạn chế. Việc trụ sở cơ quan còn chật hẹp, phương tiện đi lại, tác nghiệp còn chưa đủ đã ảnh hưởng đến chất lượng điều tra, truy tố các vụ án về mua bán người. Vấn đề lương, phụ cấp cho Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng còn bất cập, chưa tương xứng so với mặt bằng chung trong xã hội. Điều này cũng ảnh hưởng đến trách nhiệm của Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực thi nhiệm vụ.

Những khó khăn, vướng mắc, hạn chế nêu trên đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, nhất là Viện kiểm sát, Kiểm sát viên cần nhận thức đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm về mua bán người, sớm có nhiều giải pháp tăng cường hiệu quả công tác phát hiện, điều tra, truy tố tội phạm. Các biện pháp đó có thể là sửa đổi, bổ sung

những quy định của pháp luật cho phù hợp hơn nữa, tăng cường văn bản hướng dẫn, tăng cường nhận thức, trách nhiệm cũng như đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ cho Điều tra viên, Kiểm sát viên; tăng cường những điều kiện cơ sở vật chất bảo đảm hoạt động nghiệp vụ. Làm tốt công tác điều tra, truy tố trong các vụ án về mua bán người không chỉ góp phần bảo vệ bị hại khỏi sự xâm hại của tội phạm mà còn góp phần bảo đảm tốt nhất quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

2. Một số đề xuất khắc phục những khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong thực hành quyền công tố giai đoạn điều tra, truy tố các tội danh về mua bán người và một số tội danh có liên quan

2.1. Quán triệt, yêu cầu Điều tra viên, Kiểm sát viên nắm vững những quy định của pháp luật về tội phạm mua bán người, về thực hành quyền công tố trong điều tra, truy tố các vụ án hình sự về mua bán người

BLHS và BLTTHS năm 2015 về cơ bản đã khắc phục được những hạn chế, khiếm khuyết của pháp luật về các tội phạm về mua bán người cũng như trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án này. Các cơ quan tư pháp Trung ương cũng đã kịp thời ban hành một số Thông tư liên ngành hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cũng đã ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn về thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự như: Quy chế kiểm sát điều tra; Chỉ thị số 05/CT-VKSTC ngày 27/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về

“Tăng cường trách nhiệm công tố trong giải quyết các vụ án hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm” và một số văn bản khác. Do vậy, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cần tăng cường quán triệt, yêu cầu Điều tra viên, Kiểm sát viên nắm vững quy định của BLHS về các tội trong nhóm tội mua bán người và một số tội danh có liên quan, cấu thành tội phạm của từng tội cụ thể để xác định đúng đắn về điều, khoản khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế. Nắm vững các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản dưới luật, quy chế nghiệp vụ của ngành về trình tự thủ tục tố tụng, các kỹ năng nghiệp vụ để thực hiện tốt các hoạt động điều tra, truy tố và thực hành quyền công tố đối với nhóm tội này.

2.2. Tăng cường trách nhiệm, chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức của Kiểm sát viên

Tăng cường trách nhiệm thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên trong điều tra, truy tố các vụ án về mua bán người để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm. Quan tâm đào tạo, giáo dục, xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên có đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng, tích lũy kinh nghiệm, rèn luyện nâng cao kỹ năng, có tinh thần đấu tranh với tội phạm, người phạm tội. Người Kiểm sát viên phải có phẩm chất trong sáng, trọng danh dự, tâm huyết, không bị vật chất cám dỗ, hết lòng phục vụ Nhà nước, phục vụ nhân dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là của người bị buộc tội.

2.3. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Kiểm sát viên

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại các cơ sở đào tạo của Ngành để nâng cao hơn nữa trình độ pháp luật, kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp của Kiểm sát viên. Trước mắt, cần đổi mới công tác giảng dạy theo đúng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong Ngành là trang bị kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ, phương pháp làm việc, kinh nghiệm xử lý công việc hiệu quả và theo nhu cầu của Viện kiểm sát nhân dân các cấp. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng tăng cường kỹ năng công tác nghiệp vụ, đào tạo chuyên sâu về thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát phải được đầu tư và quan tâm đúng mức, các tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng phải trở thành một trong các điều kiện bắt buộc để bổ nhiệm chức danh Kiểm sát viên, chức danh quản lý lãnh đạo của Ngành. Kết hợp giảng lý luận với đi thực tế để tìm hiểu, tiếp cận các vụ án điển hình, trọng điểm được dư luận quan tâm. Tăng cường thảo luận, trao đổi tọa đàm về những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong hoạt động điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra nhằm rút ra bài học kinh nghiệm, kỹ năng giải quyết các vụ án về mua bán người. Phối hợp với các cơ sở đào tạo của Bộ Công an tổ chức mở các lớp học về phương pháp, chiến thuật điều tra các loại tội này.

Ngoài ra, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Ngành cần tăng cường hỗ trợ công tác tự đào tạo, bồi dưỡng tại Viện kiểm sát nhân dân các địa phương thông qua việc trao đổi, tọa đàm, rút kinh nghiệm trong việc giải quyết các vụ án hình sự. Đồng

thời, cũng cần đưa các vụ án có vi phạm trong hoạt động điều tra, trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra để các Kiểm sát viên rút kinh nghiệm, không mắc phải các vi phạm đã xảy ra nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Tổ chức cho cán bộ, Kiểm sát viên tham dự phiên tòa xét xử các vụ án về mua bán người có Luật sư bào chữa để lắng nghe nhiều ý kiến phản biện trái chiều, từ đó tổng kết, tích lũy kỹ năng nghề nghiệp. Viện kiểm sát các cấp thường xuyên tổng kết, bổ sung, hoàn thiện lý luận về thực hành quyền công tố, kiểm sát các vụ án về mua bán người, xây dựng các chuyên đề nghiệp vụ như: Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố vụ án hình sự, trực tiếp điều tra trong trường hợp luật định; yêu cầu điều tra... Tổ chức hội nghị cho các cán bộ, Kiểm sát viên học tập, trao đổi, rút kinh nghiệm, trang bị lại cho tất cả các Kiểm sát viên, cán bộ làm công tác nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ nhận thức, phương pháp, nội dung và quy trình thực hiện nhiệm vụ.

2.4. Tăng cường kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong điều tra, truy tố

Kiểm sát hoạt động tư pháp trong điều tra, truy tố là một trong hai chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát, có quan hệ máu thịt với thực hành quyền công tố nhằm bảo đảm cho việc khởi tố, điều tra, truy tố đúng quy định của pháp luật, thực hiện mục đích chống oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Viện kiểm sát cần chủ động kiểm sát chặt chẽ hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, của Điều tra viên, bảo đảm mọi thông tin về tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đều được Viện kiểm sát nắm bắt, kiểm sát.

Khi kiểm sát hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, cần kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra như lấy lời khai, hỏi cung bị can, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, các biện pháp khám xét, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra; kịp thời và chủ động đề ra các yêu cầu điều tra giúp các Điều tra viên định hướng điều tra từng vụ án, đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao trong hoạt động điều tra.

2.5. Tăng cường giáo dục, nâng cao hiểu biết pháp luật cho nhân dân

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân là vô cùng quan trọng. Cần tăng cường hoạt động truyền thông, giải thích rộng rãi đến mọi tầng lớp dân cư, mọi lứa tuổi để mọi người hiểu biết các quy định của pháp luật về tội phạm, về Tội mua bán người, Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, Tội cưỡng bức lao động để nhân dân chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi tội phạm. Giáo dục pháp luật là hoạt động định hướng có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục tác động lên đối tượng giáo dục nhằm mục đích hình thành sâu sắc và mở rộng ở họ tri thức pháp luật, hình thành tình cảm và lòng tin đối với pháp luật, hình thành động cơ, hành vi và thói quen xử sự phù hợp với các yêu cầu của hệ thống pháp luật. Vì vậy, đối tượng cần được giáo dục pháp luật đó là cộng đồng dân cư, người bị tạm giữ, tạm giam, người bị giáo dục tại trường giáo dưỡng, cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật, các cơ quan hữu quan có liên quan đến công tác quản lý, giáo dục, cải tạo người phạm tội./.